

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 121/2019/HS-ST.

Ngày: 26/11/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng;

2. Ông Nguyễn Văn Vệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lâm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 115/2019/TLST-HS, ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Sóc S**, sinh năm 1990, tại Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Số AB, ấp 1, xã ML, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; cha: Nguyễn Văn T; mẹ: Trần Thị Th; vợ: Lê Thị Thùy D; có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 19/8/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trương Trung H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, khóm TH, phường MT, thành phố Long Xuyên, An Giang

- Người làm chứng:

1/ Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1995; đại chỉ: Số 589, đường VTS, phường MX, thành phố Long Xuyên, An Giang (vắng mặt);

2/ Phạm Công K (Chín Tưng), sinh năm 1956; địa chỉ: Số 289, đường BC, phường D, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp (vắng mặt)

3/ Nguyễn Văn Th, sinh năm 1959, địa chỉ: số 940, ấp T, xã TQ, huyện TB, Đồng Tháp (vắng mặt).

4/ Nguyễn Văn Tu, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp AT, xã AP, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Sóc S đã học nha công và mở 02 cơ sở làm răng giả nên am hiểu về thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề nha công gia truyền. S vào mạng xã hội Facebook tham gia nhóm "Nha sĩ trẻ Việt Nam" có thành viên tên Huỳnh Công Q đăng thông tin nhận "Làm bằng cấp chứng chỉ hành nghề toàn quốc". Do thường mua dụng cụ nha khoa tại cửa hàng mua bán dụng cụ y tế Đỗ An Thịnh của ông Phạm Công K, ga hỏi ông K là "Biết ai có bằng Nha khoa mà chưa được cấp Chứng chỉ hành nghề, thì giới thiệu S giúp đỡ để được cấp Chứng chỉ". Ông K biết ông Nguyễn Văn Th thường đến mua hàng đã được Sở Y tế cấp chứng nhận nha công từ năm 1992 nhưng không được cấp Chứng chỉ hành nghề, vì không chứng M được bản thân mình hành nghề nha công từ năm 1980, nên ông K đưa số điện thoại của ông Th cho S tự liên lạc.

Cũng trên trang mạng "Nha sĩ trẻ Việt Nam", S gặp thông tin của anh Trương Trung H đăng tin: Cần thuê Chứng chỉ hành nghề nha công gia truyền, nên S nảy sinh ý định sẽ nhận làm Chứng chỉ hành nghề cho ông Th rồi đem cho anh H thuê để chiếm đoạt tài sản.

Tháng 02/2018, S tìm đến nhà ông Th giới thiệu mình là kỹ thuật viên làm răng, có phòng làm răng ở huyện Cao Lãnh và có người quen trong Sở Y tế Đồng Tháp, S đặt vấn đề sẽ xin giấy phép hành nghề nha công gia truyền cho ông Thiết, với điều kiện: "Ông Th không chịu bất cứ chi phí gì, đổi lại phải cho S mượn giấy phép 05 năm", khi làm xong thì phải cho S thuê 05 năm, mỗi năm thuê 50.000.000 đồng, nhưng năm đầu tiên ông Th không được lấy tiền vì đó là tiền công và chi phí làm Chứng chỉ. Theo yêu cầu của S, ông Th phải cung cấp: Ảnh, sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe, giấy chứng nhận học khoa gia công, chứng M nhân dân photo, giấy xác nhận kết quả thực hành khám chữa bệnh do Trạm y tế xã Tân Quới cấp.

Sau khi nhận hồ sơ, S liên lạc và hẹn gặp Huỳnh Công Q tại quán cà phê "Hương Sen" thuộc Phường 1, thành phố Cao Lãnh đưa hồ sơ của ông Th và 20.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau, S nhận Chứng chỉ hành nghề đem đến nhà giao cho ông Th. Ba ngày sau, ông K lên giao hàng thì ông Th đem Chứng chỉ cho ông K xem, ông K phát hiện người ký ghi chữ "**GÁM ĐỐC**", nên chỉ cho ông Th điện thoại báo và trả lại cho S.

S tiếp tục liên lạc với Q điều chỉnh, khoảng 03 ngày sau thông qua Chành xe Tô Châu, S nhận Chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh chuyên môn nha công gia truyền tên Nguyễn Văn Th số 03308/ĐT-CCHN ngày 10/06/2015 do Sở Y tế Đồng Tháp cấp, người ký với chức vụ Phó Giám đốc Nguyễn Ngọc Năm có đóng dấu, nhưng chữ "KT. **GÁM ĐỐC**" chứ không phải "KT. GIÁM ĐỐC" và không dán hình ông Thiết. S phản ánh thì Q kêu lấy hình ông Th dán vào, S biết là Chứng chỉ hành nghề giả nên lấy hình Chứng chỉ cũ dán vào. S đem đến nhà giao, ông Th phát hiện không có dấu nổi giáp lai nên nghi ngờ giấy giả nên gặng hỏi, S trả lời "Có chữ ký và mộc rồi, không sao đâu".

Ông Th chỉ được xem Chứng chỉ hành nghề, rồi S giữ lại để làm hợp đồng thuê như thỏa thuận ban đầu. Sau đó, S soạn sẵn hợp đồng đem đến cho ông Th ký, nội dung thể hiện: Ông Th sẽ đăng ký giấy phép hành nghề mở phòng răng giả giao cho S (thực chất là thuê chứng chỉ hành nghề), thời hạn hợp đồng 05

năm nhưng không ghi ngày, tháng (lý do khi nào S cho người khác thuê lại mới ghi ngày tháng vào, khi đó mới bắt đầu tính thời hạn cho thuê), tiền thuê mỗi năm là 50.000.000 đồng.

Sau đó, S liên hệ với anh H cho rằng “Có người chú có nhu cầu cho thuê Chứng chỉ hành nghề và đăng Chứng chỉ hành nghề tên Nguyễn Văn Th”. Anh H đồng ý thuê, hẹn gặp S tại thành phố Cao Lãnh. Ngày 02/4/2018, anh S đưa hợp đồng hợp tác mở phòng răng giữa S và anh H cho anh H ký, nội dung chính hợp đồng thể hiện: S sẽ đăng ký giấy phép hành nghề mở phòng răng giả giao cho anh H (sử dụng Chứng chỉ của ông Th), thời hạn 05 năm, từ ngày 15/4/2018 đến ngày 15/4/2023, tiền thuê mỗi năm 84.000.000đ (mỗi năm thanh toán 01 lần). Anh H đã đặt cọc trước cho S 21.000.000 đồng, S đưa cho anh H Chứng chỉ hành nghề của ông Th.

Anh H sử dụng Chứng chỉ hành nghề của ông Th để đi đăng ký mở phòng răng Việt Đức 2 ở huyện Thoại S, tỉnh An Giang thì bị Sở Y tế tỉnh An Giang phát hiện Chứng chỉ hành nghề của ông Th là *giả* nên chuyển Cơ quan chức năng xác M xử lý.

Anh H nghi ngờ S gian dối nên không tiếp tục hợp tác, mà thuê Chứng chỉ hành nghề của ông Nguyễn Văn Bê T để đăng ký cho cơ sở Việt Đức 2. S đã chiếm đoạt 21.000.000 đồng của anh Hậu tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận giám định kỹ thuật hình sự số 412/KL-KTHS ngày 28/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Ấn phẩm có nội dung giấy “Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh” số 03308 so với 02 ấn phẩm giấy “Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh” số 0004080 và số 001118 do Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp cấp (mẫu), *không* phải do cùng bản in in ra; Hình dấu tròn “Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp” trên giấy “Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh” số 03308 so với hình dấu trong trên giấy “Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh” số 0004080 và số 001118, *không* phải do cùng một con dấu đóng ra.

Sau khi sự việc xảy ra, S đã nộp 10.000.000 đồng và tác động cha ruột nộp 11.000.000đ để khắc phục hậu quả, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H 21.000.000 đồng, anh H đã nhận đủ tiền nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Lần 2: Trong tháng 4/2018, S gặp và quen anh Nguyễn Văn Tu, biết anh Tu có chuyên môn trung cấp về răng, hàm, mặt nên S đề nghị hợp tác mở cơ sở trồng răng giả ở xã An Phong. S thuê anh Tu làm người quản lý, còn mọi việc như: Đăng ký kinh doanh, xin phép và trang Th bị đầu tư sẽ do S chịu trách nhiệm. S yêu cầu anh Tu liên hệ với chủ căn nhà đang cho Tuần thuê tại số 357, ấp Thị, xã An Phong, huyện Thanh Bình thuê mặt bằng để S mở cơ sở. Đầu tháng 5/2018, cơ sở đưa vào hoạt động, thấy không có giấy tờ gì, anh Tu hỏi thì S bảo cứ lên lịch hẹn nhận khách khám bệnh, vài ngày sau thì sẽ hoàn tất thủ tục. Cơ sở hoạt động *không* phép được cơ quan chức năng nhắc nhở hoàn thành thủ tục đăng ký, nên Tu nhiều lần nhắc nhở S về giấy phép hoạt động.

Biết anh H đã thuê Chứng chỉ hành nghề của ông Bê Te, S nài ra lý do cơ sở trồng răng “Nguyễn M” của S tại huyện Cao Lãnh thường bị Cơ quan chức năng tỉnh Đồng Tháp kiểm tra lập biên bản, vì không có Chứng chỉ hành nghề, nếu

trình được Chứng chỉ hành nghề sẽ không bị xử phạt. Tin tưởng nên anh Hậu cho S mượn bản photo công chứng Chứng chỉ hành nghề của ông Bê Te.

S lấy Chứng chỉ hành nghề photo của ông Bê T nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế Đồng Tháp để xin cấp phép hoạt động cơ sở trông rảnh giả của mình ở xã An Phong và đã điền tên ông Bê T vào biển hiệu. Tuy nhiên, chứng chỉ của ông Bê T là do Sở Y tế An Giang cấp, cần phải bổ sung giấy xác nhận ông Bê T chưa đăng ký khám chữa bệnh tại tỉnh An Giang (mỗi người chỉ đứng tên một cơ sở).

Để có hồ sơ bổ sung, S thuê người tên Lê Nhựt M ở TP. Hồ Chí M (không rõ tên, địa chỉ cụ thể) giá 2.000.000đ để làm Giấy xác nhận giả số 43/GXN-SYT-TAG ngày 28/6/2018 có chữ ký mang tên Trịnh Hữu Thọ và dấu tròn đỏ Sở Y tế tỉnh An Giang, với nội dung: “Hiện nay ông Nguyễn Văn Bê T đã hoàn thành thủ tục *ngưng* hành nghề khám chữa bệnh tại tỉnh An Giang, xác nhận này theo đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn Bê T để đăng ký ngành nghề khám chữa bệnh tại tỉnh Đồng Tháp”.

Sau khi nhận hồ sơ của S, Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp gửi Công văn xác M thì ngày 25/7/2018 Sở Y tế tỉnh An Giang trả lời: "Cho đến thời điểm hiện tại Sở Y tế tỉnh An Giang ***chưa*** xác nhận ***không*** hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho ông Nguyễn Văn Bê Te để đăng ký hành nghề ở tỉnh khác".

Tại Kết luận giám định kỹ thuật hình sự số 785/KL-KTHS ngày 30/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Hình dấu tròn màu đỏ nội dung "Sở Y tế tỉnh An Giang" trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ của Sở Y tế tỉnh An Giang trên tài liệu mẫu, *không* phải do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký mang tên Trịnh Hữu Thọ trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của ông Trịnh Hữu Thọ trên tài liệu mẫu, *không* phải do cùng một người ký ra.

Tại cáo trạng số 114/CT-VKSTPCL, ngày 30/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh truy tố bị cáo S về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tổng hợp hình phạt cho hai tội là từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong, không đặc ra xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo bị truy tố:

Nguyễn Sóc S lên mạng xã hội, nắm được thông tin anh Trương Trung H cần thuê Chứng chỉ hành nghề nha công để đăng ký mở cơ sở kinh doanh, nên nảy sinh ý định thuê người làm Chứng chỉ hành nghề giả đem cho anh H thuê để chiếm đoạt tài sản. Biết ông Nguyễn Văn Th đang làm nghề nha công tại nhà mà không được Cơ quan có thẩm quyền tỉnh Đồng Tháp cấp Chứng chỉ, bị cáo S lợi dụng lấy thông tin của ông Th để thuê người làm Chứng chỉ hành nghề giả mang tên ông Th. Ngày 02/4/2018, bị cáo S dùng thủ đoạn gian dối bằng cách đưa Chứng chỉ hành nghề giả mang tên ông Th cho anh H thuê, làm cho anh H tin tưởng đó là thật nên giao 21.000.000 đồng cho S chiếm đoạt.

Sau khi bị phát hiện, S tiếp tục thuê người làm giả Giấy xác nhận của Sở Y tế tỉnh An Giang, xác nhận ông Nguyễn Văn Bê T không hành nghề khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh An Giang, để thực hiện hành vi trái pháp luật là lừa dối Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám, chữa bệnh của S tại số 357, ấp Thị, xã An Phong, huyện Thanh Bình.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng với quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định, bị cáo dùng Chứng chỉ hành nghề giả cho anh H thuê với số tiền 21.000.000 đồng và thuê người làm giả Giấy xác nhận của Sở Y tế tỉnh An Giang để Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám, chữa bệnh, hành vi của bị cáo xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội và bác ruột là liệt sĩ, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 525.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sóc S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Căn cứ khoản 1 Điều 174 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sóc S 01 năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sóc S 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Sóc S phải chấp hành là 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/8/2019.

- Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Công an TPCL;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Tấn Hiếu